| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017

V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Vương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Luốc.

2. Ông Lữ Minh Luân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Thùy D - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Lâm Bình Đ - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H - Địa chỉ trụ sở: Khu phố 2, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Ngô Văn L - Sinh năm 1960 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H. Đại diện hợp pháp theo Quyết định số 1792/QĐ-NHCS của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Châu Thị Thùy D trình bày và yêu cầu: Bà và ông Lâm Bình Đ cưới nhau, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT ngày 17-12-2009. Chung sống đến tháng 01-2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần can ngăn nhưng không có kết quả. Bà và ông Đ đã ly thân từ tháng 3-2017.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Bình Đ.

Về nuôi con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Lâm Bảo LG, sinh ngày 27-7-2012, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà và ông Đ nợ bà Lê Thị T 150.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện H 40.000.000 đồng. Khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi số nợ.

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2017 và các văn bản tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H (Sau đây ghi tắt là Ngân hàng chính sách), do ông Ngô Văn L đại diện trình bày và yêu cầu:

Ngày 25-7-2016, Ngân hàng chính sách đã thỏa thuận và ký với ông Lâm Bình Đ hợp đồng tín dụng số 6600000708027813, cho ông Đ vay 40.000.000 đồng, chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, lãi suất cho vay là 0.6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0.89375%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 25-7-2017.

Tính đến ngày 11-7-2017 ông Lâm Bình Đ còn nợ gốc và lãi là 40.421.667 đồng, trong đó 40.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi 421.667 đồng. Tiền lãi được tính như sau: 40.000.000 đồng x 0.6875%/30 x 350 ngày = 3.208.333 đồng, từ ngày 25-7-2016 đến ngày 10-7-2017. Tổng lãi hộ vay đã trả là 2.786.666 đồng, số tiền lãi hộ vay còn nợ đến ngày 11-7-2017 là 421.667 đồng.

Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, Ngân hàng chính sách yêu cầu ông Đ và bà D liên đới trả cho Ngân hàng chính sách 40.000.000 đồng tiền gốc và 421.667 tiền lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời, trả lãi phát sinh từ sau ngày khởi kiện đến khi trả hết nợ.

- Ngày 24-7-2017, bà Lê Thị T có Đơn không khởi kiện trong vụ án ly hôn giữa bà D và ông Đ, vì bà và ông Đ bà D đã tự thỏa thuận với nhau, sau này có tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Ngày 22-9-2017, bà Châu Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ngày 28-9-2017, Ngân hàng chính sách có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là ông Lâm Bình Đ được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Châu Thị Thùy D khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Lâm Bình Đ, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân Hàng chính sách xã hội huyện H khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Lâm Bình Đ, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà D và Ngân hàng chính sách có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà D và đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Lâm Bình Đ được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà D và Ngân hàng chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Đ không được quyền khiếu nại về việc không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Bà D và ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An ngày 17-12-2009. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[6] Xét về hôn nhân: Bà D yêu cầu ly hôn với ông Đ vì cho rằng ông Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần can ngăn nhưng đều không có kết quả, ông bà thường xuyên cãi nhau dẫn đến mất hạnh phúc. Bà và ông Đ đã ly thân với nhau từ tháng 3-2017, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà D và ông Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà D yêu cầu ly hôn là phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông Đ không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[7] Xét về nuôi con chung: Bà D trình bày bà và ông Đ có 01 con chung tên là Lâm Bảo LG, sinh ngày 27-7-2012, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu là có căn cứ. Xét con chung còn nhỏ (Sinh ngày 27-7-2012), sống chung bà D từ trước đến nay, việc thay đổi môi trường sống, học tập sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con chung, chấp nhận yêu cầu của bà D là phù hợp theo quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ông Đ không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

Bà D yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh các chi phí cho nhu cầu thiết yếu của con chung và thu nhập của ông Đ. Xét bình quân nhu cầu thiết yếu của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, chấp nhận một phần yêu cầu của bà D, buộc ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Xét về chia tài sản chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[9] Xét về chia nợ chung:

[9.1] Bà Châu Thị Thùy D và ông Lâm Bình Đ có nợ bà Lê Thị T số tiền 150.000.000 đồng, bà D yêu cầu chia đôi số nợ. Ngày 24-7-2017, bà Lê Thị T có đơn không khởi kiện trong vụ án ly hôn giữa bà D và ông Đ, vì bà và ông Đ bà D đã tự thỏa thuận với nhau, sau này có tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác là phù hợp nên Tòa án không tiến hành giải quyết.

[9.2] Ông L yêu cầu bà D và ông Đ phải trả cho Ngân hàng chính sách 40.421.667 đồng (40.000.000 đồng tiền gốc và 421.667 đồng tiền lãi). Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000708027813 ngày 25-7-2016 là do ông Lâm Bình Đ đứng tên vay. Bà D đồng ý trả ½ số nợ là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên ghi nhận, để buộc bà D và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách 40.421.667 đồng. Chia phần cụ thể: Bà D và ông Đ mỗi người phải trả 20.210.834 đồng.

[9.3] Ông L yêu cầu bà D và ông Đ tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách theo Hợp đồng tín dụng đã ký, từ sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ là phù hợp nên chấp nhận, buộc bà D và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách số lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, thời gian tính lãi

tính từ ngày 11-7-2017. Chia phần cụ thể: Bà D và ông Đ mỗi người phải trả ½ số lãi phát sinh.

[10] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy:

Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng; Bà D và ông Đ mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách 20.210.834 đồng, nên mỗi người có nghĩa vụ chịu 1.010.542 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tổng cộng, bà D và ông Đ mỗi người phải chịu 1.310.542 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà D được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà D còn phải nộp thêm 1.010.542 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng chính sách không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án.

1. Về hôn nhân: Bà Châu Thị Thùy D được ly hôn với ông Lâm Bình Đ .

2. Về nuôi con chung: Bà Châu Thị Thùy D được trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Bảo LG, sinh ngày 27-7-2012, đang sống với bà D.

Ông Lâm Bình Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng), từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đ được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà D và ông Đ được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia nợ chung:

4.1. Bà Châu Thị Thùy D và ông Lâm Bình Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã

hội huyện H 40.421.667 đồng (Bốn mươi triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 421.667 đồng tiền lãi (Tính đến hết ngày 10-7-2017). Chia phần cụ thể: Bà D và ông Đ mỗi người có nghĩa vụ trả 20.210.834 đồng (Hai mươi triệu hai trăm mười nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

4.2. Bà Châu Thị Thùy D và ông Lâm Bình Đ có nghĩa vụ liên đới trả lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6600000708027813 ngày 25-7-2016 đã ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H với ông Lâm Bình Đ, tính từ ngày 11-7-2017, cho đến khi trả xong nợ. Chia phần cụ thể: Bà D và ông Đ mỗi người phải trả ½ số lãi phát sinh.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Bà Châu Thị Thùy D phải chịu 1.310.542 đồng (Một triệu, ba trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Gồm 300.000 đồng án phí ly hôn và 1.010.542 đồng án phí dân sự), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Theo Biên lai thu số 0007947 ngày 04-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà D còn phải nộp thêm 1.010.542 đồng (Một triệu, không trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Ông Lâm Bình Đ phải chịu 1.310.542 đồng (Một triệu, ba trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Gồm 300.000 đồng án phí ly hôn và 1.010.542 đồng án phí dân sự).

6. Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn ĐT;
(để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Hùng Vương**